

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyên
2. Bà Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh Nhi – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hường – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Ngọc U, sinh ngày 13/02/1978;

Căn cước công dân số 079178023XXX cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021.

Địa chỉ: 401 Lô C Chung cư P, Phường C, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Hàng P, sinh ngày 06/6/1975;

Căn cước công dân số 079075015XXX cấp ngày 07 tháng 4 năm 2021.

Địa chỉ: 401 Lô C Chung cư P, Phường C, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Vũ Ngọc U trình bày:

Bà Vũ Ngọc U (sau đây gọi là bà Uyên) và ông Hàng P (sau đây gọi là ông Phong) tự nguyện chung sống và kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 188,

Quyển số 1/2002 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận 3 vào ngày 09/12/2002. Sau một thời gian chung sống thì nay hai bên đã ly thân do mâu thuẫn trong cuộc sống chung, không tiếng nói chung.

Về con chung có 2 con chung: Hàng Vũ Tuấn A, sinh ngày 07/7/2004 và Hàng Vũ Minh K, sinh ngày 21/01/2007; đã trưởng thành.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hàng P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của bà Uyên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:*

Nguyên đơn bà Uyên khởi kiện, yêu cầu ly hôn với ông Phong nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do bị đơn ông Hàng P có địa chỉ tại 401 Lô C, chung cư P, Phường C, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 15/5/2025 của bà Uyên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn không có sự tham gia của bà. Bị đơn ông Phong vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Về nội dung*: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 188, Quyền số 1/2002 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận 3 vào ngày 09/12/2002 nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Uyên và ông Phong là hôn nhân hợp pháp.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[5] Tại bản tự khai, bà Uyên trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do khác biệt nhau về quan điểm sống. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn giữa bà và ông Phong ngày càng trầm trọng hơn, cuộc sống chung không còn hòa hợp. Hiện nay bà Uyên và ông Phong sống ly thân với nhau. Do nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn nên bà Uyên yêu cầu được ly hôn với ông Phong.

[6] Tại phiếu xác minh ngày 15/4/2025, Công an Phường C, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, cho biết ông Phong có HKTT và hiện thực tế cư trú tại 401 Lô C Chung cư P, Phường C, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Tại Văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 3 cho biết : vợ chồng bà Vũ Ngọc U và ông Hàng P không còn chung sống với nhau tại địa chỉ 401 Lô C Chung cư P, Phường C, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh từ khoảng tháng 01/2025. Trong quá trình chung sống tại địa phương, địa phương chưa ghi nhận vụ việc hòa giải mâu thuẫn.

[8] Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định căn cứ cho ly hôn là về việc vợ, chồng vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Để xem xét về đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được, thì phải căn cứ vào tình trạng hiện tại của vợ chồng đã đến mức tình trạng trầm trọng chưa. Mục đích hôn nhân không đạt được là không có tình nghĩa vợ chồng; không bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng; không tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của vợ chồng; không tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của vợ chồng; không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt.

[9] Từ những căn cứ trên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Phong, bà Uyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau nên hai bên không chung sống với nhau.

[10] Xét, lời khai của bà Uyên phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án. Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, bà Uyên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và khẳng định không còn tình cảm với ông Phong. Đồng thời, ông Phong cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu của bà Uyên, vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và không thể hiện có thiện chí hòa giải. Do đó, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ

khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Uyên đối với ông Phong.

[11] Về con chung: 02 người con chung là Hàng Vũ Tuấn A (nam) sinh ngày 7/7/2004 và Hàng Vũ Minh K (nam) sinh ngày 21/01/2007 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét.

[12] Về tài sản và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[13] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà Vũ Ngọc U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Ngọc U:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Vũ Ngọc U được ly hôn với ông Hàng P.

1.2. Về con chung: Hàng Vũ Tuấn An (nam) sinh ngày 07/7/2004 và Hàng Vũ Minh Khang (nam) sinh ngày 21/01/2007 đã thành niên.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Vũ Ngọc U phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0059861 ngày 08/4/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Vũ Ngọc U đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: bà Vũ Ngọc U và ông Hàng P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3;
- Ủy ban nhân dân Phường C, Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Anh